

BUBBA'S FOOD REVIEW

I. NỐI TỪ VỚI NGHĨA.

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 1. giá thường | A. tax |
| 2. cửa hàng tiện lợi | B. change |
| 3. tiền thừa | C. pet store |
| 4. kể từ khi | D. regular price |
| 5. tổng | E. weigh |
| 6. nặng | F. credit card |
| 7. mỗi | G. plus |
| 8. to, lớn | H. convenience store |
| 9. thuế | I. huge |
| 10. thẻ tín dụng | J. since |
| 11. cửa hàng thú cưng | K. total |
| 12. cộng, thêm vào | |

II. CHỌN DẠNG ĐÚNG CỦA ĐỘNG TỪ Ở DẠNG QUÁ KHỨ.

- | | | | |
|------------|------|----------|--------|
| 1. Get | Got | 5. Have | Had |
| 2. Paid | Pay | 6. Buy | Bought |
| 3. Stopped | Stop | 7. Drive | Drove |
| 4. Go | Went | 8. Was | Are |

III. VIẾT CÁC CÂU SAU BẰNG TIẾNG ANH.

1. Tăng cân:
2. Giảm cân:
3. Đi mua sắm:
4. Chồng tôi nặng 98 kilos:

